

# VAI TRÒ CỦA TƯ SẢN NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG KỲ TRONG 30 NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX

TS NGUYỄN VĂN PHƯỢNG

*Trưởng Đại học Quy Nhơn*

Đầu thế kỷ XX đến năm 1930, với những điều kiện chủ quan, khách quan khác nhau, tư sản người Việt ở Trung Kỳ ra đời và không ngừng hoạt động, vươn lên khẳng định vị thế. Qua quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh và tham gia phong trào dân tộc dân chủ, tư sản người Việt ở Trung Kỳ đã có những đóng góp nhất định vào tiến trình lịch sử khu vực Trung Kỳ nói riêng và cả nước nói chung, trên các lĩnh vực lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội.

**1.** Kinh tế TBCN ở khu vực Trung Kỳ bước đầu được tạo ra vào đầu thế kỷ XX, phát triển lên một bước trong Chiến tranh thế giới I và phát triển hơn nữa trong những năm 1919-1930.

Tư sản người Việt ở Trung Kỳ thành lập các xí nghiệp, công ty và hội buôn kinh doanh độc lập nhằm mục tiêu phát triển kinh tế, cạnh tranh kinh tế với tư sản nước ngoài ngay tại thị trường trong nước. Thành phần kinh tế tư bản dân tộc hình thành ngày càng rõ nét, nhất là sau Chiến tranh thế giới I. Nhiều công ty ra đời từ trước, đã tăng thêm vốn, mở rộng kinh doanh, vươn ra chiếm lĩnh thị trường, lập nhiều thương điểm. Điển hình như Công ty Liên Thành, Công ty Phương Lâu... Nhiều công ty mới được thành lập với số vốn khá lớn như Nam Hưng tư nghiệp hội xã ở Hội An, Hưng nghiệp hội xã, Nam Đồng ích (Thanh Hóa), Trung Kỳ thiết nghiệp công ty, Quảng tế hóa công ty (Quảng Ngãi), Huỳnh Thúc Kháng công ty (Huế), Công ty vận tải Hào Hưng (Quảng Nam), Xưởng chế biến xà phòng của Trần Sanh Thoại (Bình Định), Xưởng sản xuất thuốc lá của Nguyễn Tú Trì (Đắk Lắk)... Những công ty, hãng buôn,

xưởng sản xuất này kinh doanh nhiều loại hàng khác nhau, xuất hàng hóa ra cả thị trường nước ngoài. Nhiều ngành sản xuất theo lối công trường thủ công được duy trì và phát triển. Nhiều xưởng sản xuất được trang bị máy móc khá hiện đại, công ty vận tải mua sắm những dòng xe mới nhằm tăng quy mô kinh doanh và cạnh tranh với tư bản ngoại quốc. Các xí nghiệp, nhà máy, công ty, hội buôn ra đời nhiều, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, thu những món lợi nhuận lớn. Điều này chứng tỏ kinh tế tư bản dân tộc ở khu vực Trung Kỳ đã xuất hiện, có bước phát triển hơn, chứ không còn ở dạng mầm mống như trước đây.

Cùng với đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, ý thức giai cấp về xây dựng một nền công - thương nghiệp độc lập, thoát khỏi sự phụ thuộc vào tư bản Pháp càng lớn dần lên ở tư sản người Việt. Đó là cơ sở để họ đi đến cuộc đấu tranh bảo vệ quyền lợi kinh tế, chống lại sự chèn ép, kim hãm của tư sản Pháp và tư sản nước ngoài bằng nhiều hình thức; trong đó, tư sản người Việt ở Trung Kỳ lấy hoạt động kinh doanh chống lại chính sách độc quyền của Pháp và hỗ trợ phong trào yêu nước diễn ra ở khu vực. Và một khi họ tích lũy được số vốn đáng

kể, quy mô hoạt động sản xuất và kinh doanh được mở rộng, có kinh nghiệm trên thương trường, cùng với đó là việc đầu tư từ bên ngoài vào khu vực diễn ra mạnh mẽ đã đưa đến việc cạnh tranh kinh tế giữa tư sản người Việt với tư sản nước ngoài trở nên quyết liệt hơn. Đây chính là nguyên nhân bùng phát phong trào dân tộc khá mạnh mẽ của tư sản người Việt từ sau Chiến tranh thế giới I chống lại tư sản người Pháp và tư sản Hoa kiều ở khu vực Trung Kỳ nói riêng và cả nước nói chung.

Tích cực “chấn hưng thực nghiệp” và tăng cường sự cạnh tranh để đi tới xây dựng một nền kinh tế độc lập là biểu thị sâu sắc của ý thức tự cường dân tộc. Hoạt động đó đã làm cho thành phần kinh tế tư bản ở Trung Kỳ phát triển lên, đời sống của một bộ phận dân cư được cải thiện đáng kể; số lượng các nhà tư sản người Việt có thể lực tăng mạnh, tư duy kinh tế của người Việt có bước phát triển, tinh thần trọng thương thấm sâu vào tư tưởng của đông đảo các tầng lớp xã hội, “cái dân tộc kia mấy nghìn năm xu hướng về đường hư vẫn nay đã rảo căng vào trong kinh tế chiến trường vậy”<sup>1</sup>. Đúng như nhận xét của Đoàn Trọng Truyền: “Sự phát triển đó của kinh tế tư bản chủ nghĩa đã có đóng góp một vai trò nhất định của giai cấp tư sản Việt Nam khi nó đã hình thành”<sup>2</sup>.

Tuy nhiên, sự ra đời và phát triển của cơ sở kinh tế TBCN ở khu vực Trung Kỳ thời kỳ này vẫn chưa bằng khu vực Bắc Kỳ và Nam Kỳ. Nền kinh tế Trung Kỳ vẫn là nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, phát triển mất cân đối, hoạt động chủ yếu trong thủ công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp; công nghiệp không phát triển, có chăng là công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến. Sự phát triển chậm của kinh tế tư bản dân tộc thể hiện rõ ở tỷ lệ giữa khu vực kinh tế hiện đại và khu vực kinh tế truyền thống. Nếu như năm 1901, giá trị sản phẩm nông nghiệp chiếm 88% tổng thu nhập quốc dân, thì đến năm 1937, con số đó vẫn là

gần 70%<sup>3</sup>. Thế lực kinh tế của tư sản người Việt ở Trung Kỳ nhỏ yếu hơn nhiều so với tư sản Pháp. “Toàn bộ vốn đầu tư vào các ngành mỏ than, cơ khí và giao thông vận tải của họ chỉ bằng 1% vốn của tư bản Pháp trong các ngành đó”<sup>4</sup>. Đến năm 1922, ở Trung Kỳ có tới 1.093 người nộp thuế, với số tiền 22.701 đồng (trung bình mỗi người nộp khoảng hơn 20,7 đồng); trong khi đó, số người Âu đóng thuế chỉ có 92 người, nhưng số tiền lên đến 11.763 đồng (trung bình mỗi người đóng hơn 127,8 đồng). Điển hình như Đà Nẵng, số thuế của 28 tư sản người Âu đóng 6.763 đồng, nhiều hơn cả số thuế của 295 nhà công thương người Việt đóng (6.071 đồng)<sup>5</sup>. Điều đó chứng tỏ thế lực kinh tế của tư sản Pháp chiếm ưu thế. Họ mới là người sở hữu những công ty, xí nghiệp lớn và chiếm giữ những ngành công nghiệp quan trọng ở khu vực Trung Kỳ.

**2.** Cùng với vai trò trong lĩnh vực kinh tế, tư sản người Việt ở Trung Kỳ còn có vai trò nhất định trên lĩnh vực chính trị - xã hội. Vai trò đó thể hiện rõ nhất ở hoạt động của họ trong phong trào dân tộc dân chủ từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930.

Vào đầu thế kỷ XX, khi giai cấp tư sản ở các nước châu Á như Ấn Độ, Trung Quốc, Philippin... tiến hành tập hợp lực lượng, thành lập chính đảng, xây dựng đường lối tiến tới đánh đổ chế độ phong kiến và sự thống trị của các thế lực ngoại bang nhằm giành lại độc lập dân tộc, thì ở Việt Nam nói chung và Trung Kỳ nói riêng, tư sản người Việt chỉ mới là một tầng lớp nhỏ bé trong xã hội, chưa đủ khả năng khởi xướng và lãnh đạo một phong trào dân tộc như những nước khác. Tuy vậy, trong các cuộc vận động yêu nước đầu thế kỷ XX do tầng lớp sĩ phu yêu nước tiến bộ khởi xướng, tư sản người Việt ở Trung Kỳ đã có những hành động ủng hộ, thúc đẩy phong trào phát triển mạnh hơn.

Thông qua hoạt động “chấn hưng thực nghiệp”, tư sản người Việt ở Trung Kỳ đã âm thầm ủng hộ tiền bạc và cho con em mình tham gia phong trào Đông Du do Phan Bội Châu và các đồng chí của mình khởi xướng; đồng thời dùng việc mở mang kinh doanh, lập các hội buôn, cổ vũ xây dựng, phát triển nền kinh tế dân tộc nhằm hướng ứng chủ trương đòi mới kinh tế - văn hóa của các sĩ phu Duy tân. Điển hình như Lâm Bình- một tư sản thương nghiệp, chuyên buôn bán hàng lâm thổ sản đã hỗ trợ 200 đồng; một thương nhân khác là Trần Đông Phong đã góp 15 nén bạc ủng hộ quỹ du học; hay như trường hợp của Lê Vĩnh Huy- một thương nhân chuyên buôn bán quế, hồ tiêu, chè ở Quảng Nam, đã gửi một người em trai là Lê Ngọc Liên và hai người con trai là Lê Triêm, Lê Duyệt cùng xuất dương du học, đồng thời ông cũng bỏ ra nhiều tiền bạc để ủng hộ quỹ du học của Phan Bội Châu<sup>6</sup>.

Những hoạt động này ít nhiều đã góp phần vào kết quả của các phong trào nói trên và có tác dụng thức tỉnh lòng yêu nước, ý thức dân tộc và đá phá tư tưởng phong kiến đã lỗi thời, lạc hậu, nhất là tư tưởng “trọng quan, khinh thương”, coi thường thực học và thực nghiệp trong việc xây dựng nước nhà. Tư sản người Việt ở Trung Kỳ cùng với các lực lượng khác như thị dân, địa chủ phong kiến yêu nước, sĩ phu tiến bộ tư sản hóa là cơ sở xã hội của phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX. Họ đã góp phần tạo ra phong trào yêu nước theo một khuynh hướng mới - phong trào dân tộc đầu tiên trong lịch sử nước ta thời cận hiện đại. Rõ ràng “Giai cấp tư sản Việt Nam đã làm sự mạng dân tộc đúng với khả năng của họ; và trong những điều kiện mà lịch sử cho phép, họ đã làm một cách chủ động”<sup>17</sup>.

Sau Chiến tranh thế giới I, tư sản người Việt ở Trung Kỳ phát triển thành một giai cấp. Lúc này, ý thức giai cấp của họ đã hình thành. Trước sự

chèn ép của tư bản Pháp, đòi xử bất bình đẳng của chính quyền thực dân, tư sản người Việt ở Trung Kỳ có sự phản ứng khá mạnh mẽ, lên tiếng bảo vệ và đòi các quyền lợi về kinh tế lẫn chính trị cho giai cấp của mình. Hơn thế nữa, thông qua báo chí, họ khởi xướng và cổ vũ cho hoạt động chấn hưng thực nghiệp; hô hào, kêu gọi những người trong giới đoàn kết lại, lập thành những hội đoàn nhằm tăng sức mạnh về kinh tế lẫn tiếng nói trước tư sản ngoại quốc. Cũng như tư sản dân tộc ở các nước khác, tư sản người Việt ở Trung Kỳ nói riêng và tư sản người Việt nói chung không giấu giếm tham vọng trở thành giai cấp nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Biểu hiện rõ nét nhất về đóng góp của tư sản người Việt ở Trung Kỳ cho phong trào dân tộc dân chủ ở những năm sau Chiến tranh thế giới I là tiến hành cuộc vận động dùng hàng nội bóa, bài trừ hàng ngoại hóa và tẩy chay khách trú (1919-1923), đòi giảm thuế xuất cảng đường (1923), chống độc quyền sản xuất nước mắm (1920-1926), đòi tham gia vào Phòng Canh nông và Thương mại, Viện dân biểu Trung Kỳ. Mặc dù những cuộc đấu tranh chưa hẳn do tư sản người Việt ở Trung Kỳ khởi xướng và mục đích của nó là để đòi quyền lợi cho giai cấp của họ, nhưng đã thể hiện ở một mức độ nhất định tinh thần chống đế quốc và góp phần vào bước chuyển biến của phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam những năm 1919-1930. Đúng như nhận xét của Lê Duẩn: “Do bị đế quốc chèn ép, giai cấp tư sản dân tộc cũng có mặt yêu nước. Trong sự nghiệp giải phóng của toàn dân tộc, họ đã có những đóng góp nhất định”<sup>18</sup>.

Xét về thái độ chính trị, bộ phận tư sản mại bán đã đi theo, cổ súy cho tư tưởng vong bản và tò thái độ ủng hộ, bảo vệ quyền lợi của đế quốc Pháp. Đây là đối tượng cách mạng phải đánh đổ. Tư sản dân tộc, do mâu thuẫn quyền lợi với thực dân Pháp nên ít nhiều có tinh thần dân tộc, chống lại

thực dân Pháp. Tuy nhiên, vì địa vị kinh tế quá nhỏ bé và “vì chính họ cũng chưa hoàn toàn cắt đứt được liên hệ kinh tế với địa chủ và đế quốc, quyền lợi căn bản của họ lại ở chỗ bóc lột công nhân nên thái độ của họ thường nước đôi, đi với công nhân chống đế quốc nhưng vẫn sợ công nhân; muốn lợi dụng đế quốc để mưu thêm quyền lợi, nhưng lại căm đế quốc chèn ép”<sup>9</sup>. Tư sản người Việt bị tàn tích phong kiến ngăn trở, họ có mâu thuẫn với phong kiến, nhưng vì lực lượng nhỏ bé, lại có liên hệ kinh tế với địa chủ, nhiều tư sản có nguồn gốc xuất thân từ địa chủ và quan lại phong kiến nên không tỏ thái độ chống phong kiến một cách tích cực, triệt để được.

Sự nhỏ yếu về kinh tế và thái độ lùng chùng, thiếu kiên quyết trong đấu tranh với đế quốc Pháp và phong kiến, nên tư sản người Việt ở Trung Kỳ không thành lập được một đảng chính trị của giai cấp mình, không đề ra được đường lối cách mạng đúng đắn, không lôi cuốn giai cấp nông dân liên minh với nó nên không thể trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng. Thực tế lịch sử đã chứng minh, trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, nắm quyền lãnh đạo cách mạng, giai cấp tư sản người Việt nói chung và tư sản người Việt ở Trung Kỳ nói riêng đã không thể hoàn thành được cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, thậm chí chưa đề ra được nhiệm vụ của cuộc cách mạng này.

Trong 30 năm đầu thế kỷ XX, tư sản người Việt ở Trung Kỳ có vai trò nhất định trong tiến trình lịch sử dân tộc. Các cuộc đấu tranh giành quyền lợi kinh tế, nhất là hoạt động chấn hưng công thương nghiệp phần nào đã hỗ trợ các hoạt động yêu nước, phát triển nền kinh tế dân tộc theo hướng TBCN, đẩy lùi sự phát triển của kinh tế cổ truyền, lạc hậu. Về những đóng góp chính trị, trên một phương diện nào đó, tiếng vang của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX có phần đóng góp của tư sản người Việt ở Trung Kỳ nói riêng

và tư sản người Việt trên cả nước nói chung. Bản thân tư sản dân tộc là một bộ phận có tinh thần dân tộc, có tinh thần cách mạng. Đồng chí Trường - Chính đã khẳng định: “Trong điều kiện nhất định của cách mạng dân tộc dân chủ, họ là một trong những động lực cách mạng và là bạn đồng minh của cách mạng”<sup>10</sup> và Nguyễn Ái Quốc trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên cũng đã xác định tư sản dân tộc là một lực lượng cần lôi kéo, lợi dụng trong quá trình tiến hành cách mạng. Tuy nhiên, cho đến năm 1930, tư sản người Việt nói chung và tư sản người Việt ở Trung Kỳ nói riêng vẫn không có một đường lối cách mạng đúng đắn.

1. Khai Hóa nhật báo, số 440, ra ngày 4-1-1923

2. Đoàn Trọng Truyền: *Mầm mống tư bản chủ nghĩa và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam*, Nxb ST, H, 1960, tr. 50

3. Xem: Nguyễn Văn Khánh: *Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)*, Nxb ĐHQG, H, 2000, tr. 161-162

4. M.A. Trescov: *Đặc điểm hình thành giai cấp tư sản Việt Nam*, Nxb Khoa học, Mátxcova, 1968, tr.142

5. Xem *Annuaire Statistique de l'Indochine 1913 - 1922*, IDEO, 1927

6. Xem: Đinh Xuân Lâm, Chương Thâu: *Phong trào Đông Du và Phan Bội Châu*, Nxb Nghệ An, 2005, tr.100 và Hội Khoa học Lịch sử Thừa Thiên Huế: *Việt Nam 100 năm phong trào Đông Du và hợp tác Việt - Nhật*, Nxb CTQG, H, 2009, tr.146

7. Minh Tranh, Nguyễn Kiên Giang: *Vẽ giai cấp tư sản Việt Nam: một số ý kiến về sự hình thành và phát triển của giai cấp tư sản Việt Nam*, Nxb ST, H, 1959, tr.51

8. Lê Duẩn: *Dưới là cờ về vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb ST, H, 1972, tr.28

9, 10. Trường - Chính: *Bản vẽ cách mạng Việt Nam*, Nxb ST, H, 1956, tr.49, 60.